TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **166**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2023.
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Kim Sơn.
2. Bà Dương Thị Mỹ Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa:

*Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 525/17, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Ông Bùi Văn Bé B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 525/17, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng không có lí do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Bùi Thị T có lời trình bày:

Nguyên vào năm 2004, bà và ông Bùi Văn Bé B quen biết, tìm hiểu,tự nguyện tiến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thời gian sau khi kết hôn sống chung hạnh phúc được 18

năm đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do sư bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến hai người sống ly thân nhau cách nay khoảng 01 năm.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cgiải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn Bé B, bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Trong thời kì hôn nhân có 01 con chung tên Bùi Thị Thảo Nhi, sinh ngày 05/3/2004, hiện đã trên 18 tuổi có khả năng tự nuôi sống bản thân không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Văn bé T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lí do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn quyết định cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung hên đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự nuôi sống được bản thân vì vậy đề nghị không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/5/2004, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian 18 năm thì phát sinh mâu thuẩn mà nguyên nhân theo nguyên đơn nêu do do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không như mong muốn và hai người sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay và trong thời gian này cả hai bên vẫn chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên tuy nhiên nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án không hòa giải vụ án, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng đồng thời cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho nguyên đơn sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy được ghi nhận, bị đơn không có mặt tại phiên tòa để trình bày yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ chồng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Về con chung: Nguyên đơn trình bày có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thảo N, sinh ngày 05/3/2004, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự nuôi sống được bản thân vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ctại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (B trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Bn thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (B trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004343 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn Bé B

Ghi nhận bà Bùi Thị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Con chung là cháu Bùi Thị Thảo N, sinh ngày 05/3/2004, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự nuôi sống được bản thân.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị T có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng (B trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (B trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004343 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện C, tỉnh BT;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh BT;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh BT;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Cường